ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐĂK RVE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3094 /UBND-VHXH V/v triển khai việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hằng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	*Đăk Rve, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi:
- Các Cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã[1];
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã[2].

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 10/12/2025 (Luật số 132/2025/QH15) và Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ;

Thực hiện Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP và Công văn số 3570/TTR-NV7 ngày 28/10/2026 của Thanh tra tỉnh hướng dẫn tổ chức kê khai tài sản, thu nhập năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã Đăk Rve yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2026 như sau:

1. Đối tượng kê khai

Theo **Mục II** Phụ lục danh mục kèm theo Quyết định số 2578/QĐ-UBND, đối tượng kê khai hằng năm tại UBND xã gồm: (a) người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương có phụ cấp chức vụ từ 0,25 trở lên ở các vị trí việc làm phụ trách trực tiếp công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; (b) Trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã có phụ cấp chức vụ từ 0,25 trở lên. Các trường hợp kê khai lần đầu, bổ sung, phục vụ công tác cán bộ thực hiện theo Mục 2.

2. Tổ chức kê khai

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch kê khai, công khai; tuyên truyền, quán triệt Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 164/2026/NĐ-CP; hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai theo từng phương thức:

---

[1] Văn phòng HĐND&UBND, Phòng VH-XH; Phòng Kinh tế; Trung tâm phục vụ hành chính công xã.

[2] Trạm Y tế, Trung tâm cung ứng dịch vụ công ích xã, 03 trường học.

- **Lần đầu** (khoản 1, khoản 3 Điều 34): chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác;

- **Hằng năm:** hoàn thành **trước ngày 31/12/2026**;

- **Bổ sung** (biến động tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên): hoàn thành **trước ngày 31/12/2026**;

- **Phục vụ công tác cán bộ:** chậm nhất 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

b) Mọi phương thức dùng thống nhất mẫu Bản kê khai ban hành kèm theo Nghị định số 164/2026/NĐ-CP *(gửi kèm)*; ghi rõ phương thức kê khai tại tiêu đề (ví dụ: "BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU"). Bản giấy phải ký từng trang, ký và ghi rõ họ tên ở trang cuối, lập 02 bản (01 bàn giao cho cơ quan kiểm soát, 01 phục vụ quản lý và công khai).

c) Người kê khai phải nghiên cứu 42 chú thích của mẫu; kê khai trung thực, đầy đủ tài sản, thu nhập của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên: quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất; vàng, kim loại quý, đá quý, tiền, cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, giấy tờ có giá, tài sản số, tài sản khác, khoản nợ từ 150 triệu đồng trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài; tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (Điều 35 Luật và Điều 9 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP).

d) Việc kê khai tại các cơ quan, đơn vị hoàn thành **trước ngày 31/12/2026**.

3. Rà soát, lập danh sách

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đối chiếu danh mục với chức vụ, hệ số phụ cấp, vị trí việc làm để lập danh sách đầy đủ, chính xác, không bỏ sót đối tượng *(theo mẫu Phụ lục I)*, gửi UBND xã *(qua Phòng Văn hóa - Xã hội)* **trước ngày 10/11/2026**. Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp, gửi cơ quan kiểm soát có thẩm quyền; danh sách thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra tỉnh gửi **trước ngày 15/12/2026**.

4. Tiếp nhận, kiểm soát và công khai bản kê khai

a) Người kê khai nộp bản kê khai cho đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ của cơ quan nơi công tác; đơn vị này lập sổ theo dõi, giao nhận và bàn giao cho cơ quan kiểm soát theo phân cấp quản lý cán bộ (Điều 4 Quy định kèm Quyết định số 56-QĐ/TW).

b) Cơ quan kiểm soát: người thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý bàn giao cho Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã; người không thuộc diện này bàn giao cho Thanh tra tỉnh. Các cơ quan, đơn vị phối hợp cung cấp thông tin, hồ sơ khi được yêu cầu.

c) Sau khi bàn giao, tổ chức công khai bản kê khai theo Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng và các Điều 11, 12, 13 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP.

5. Báo cáo và tổ chức thực hiện

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả kê khai, công khai *(theo mẫu Phụ lục II)* về UBND xã *(qua Phòng Văn hóa - Xã hội)* chậm nhất ngày **05/01/2027,** chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về việc lập danh sách, tổ chức kê khai, công khai thuộc phạm vi quản lý.

b) Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp danh sách, hướng dẫn, đôn đốc; tổng hợp báo cáo Thanh tra tỉnh chậm nhất ngày **15/01/2027**; phản ánh vướng mắc về Thanh tra tỉnh để được hướng dẫn.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐĂK RVE T. QUẢNG NGÃI

Huỳnh Ngọc Phong

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2026

(Cơ quan, đơn vị: .....)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, vị trí công tác hiện nay	Hệ số PCCV	Vị trí việc làm phụ trách	Ngày giữ chức vụ, vị trí hiện nay	Ngày thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2026				Đã được xác minh TSTN (năm; cơ quan xác minh)	Cơ quan kiểm soát	Ghi chú
							Lần đầu	Hằng năm	Bổ sung	Phục vụ công tác cán bộ			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
I	**Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương (có phụ cấp chức vụ từ 0,25 trở lên)**												
1													
2													
…													
II	**Trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã (có phụ cấp chức vụ từ 0,25 trở lên)**												
1													
2													
…													
Tổng cộng													

Ghi chú: Cột (12) ghi năm và cơ quan đã xác minh (nếu có); cột (13) ghi "Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã" hoặc "Thanh tra tỉnh" theo Mục 5 công văn.

Đăk Rve, ngày tháng năm 2026

Người lập **Thủ trưởng đơn vị**

PHỤ LỤC II

(Mẫu báo cáo của cơ quan, đơn vị gửi Ủy ban nhân dân xã)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ: .....

BÁO CÁO

việc thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập
Năm 2026

---

1. Việc chỉ đạo triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập

.....

2. Kết quả thực hiện

STT	Nội dung	ĐVT	Số liệu
I	**Kết quả kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập**		
1	Số người thực hiện kê khai lần đầu	Người	
2	Số người thực hiện kê khai hằng năm	Người	
3	Số người thực hiện kê khai bổ sung	Người	
4	Số người thực hiện kê khai phục vụ công tác cán bộ	Người	
5	Số người kê khai phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội	Người	
6	Số người kê khai phục vụ công tác bầu cử đại biểu HĐND	Người	
7	Tổng số người đã thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập, trong đó:	Người	
7.1	Số người công khai bằng hình thức niêm yết	Người	
7.2	Số người công khai bằng hình thức thông qua cuộc họp	Người	
7.3	Số người công khai bằng hình thức khác (ghi cụ thể)	Người	
II	**Kết quả xác minh tài sản, thu nhập**		
1	Tổng số người được xác minh trong kỳ, trong đó:	Người	
1.1	Số người được xác minh ngẫu nhiên theo kế hoạch của năm 2026	Người	
1.2	Số người được xác minh thuộc các trường hợp khác (không phải xác minh ngẫu nhiên theo kế hoạch năm 2026)	Người	
2	Số người đã được ban hành Kết luận xác minh	Người	
3	Số người chưa được ban hành Kết luận xác minh	Người	
4	Tổng số người đã có kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm hoặc có nhiều hành vi vi phạm trong việc kê khai tài sản, thu nhập trong đó có ít nhất 01 hành vi không trung thực nêu trên	Người	

STT	Nội dung	ĐVT	Số liệu
5	Số người đã có kết luận về những vi phạm, sai sót khác như kê khai sai mẫu, chưa bảo đảm theo hướng dẫn, không đầy đủ thông tin, thiếu chính xác về số liệu, thông tin kê khai, chậm thời hạn so với quy định… (nhưng không bị kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm)	Người	
III	**Kết quả xử lý vi phạm**		
1	Số người bị xử lý kỷ luật do kê khai và giải trình tài sản, thu nhập không trung thực, trong đó:	Người	
1.1	Xóa tên khỏi danh sách người ứng cử	Người	
1.2	Không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn vào chức vụ đã dự kiến	Người	
1.3	Kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo	Người	
1.4	Kỷ luật bằng hình thức hạ bậc lương	Người	
1.5	Kỷ luật bằng hình thức giáng chức	Người	
1.6	Kỷ luật bằng hình thức cách chức	Người	
1.7	Kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm	Người	
2	Số người bị xử lý kỷ luật do có những vi phạm khác trong công tác kê khai tài sản, thu nhập	Người	

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm: .....

3.2. Hạn chế: .....

3.3. Nguyên nhân: .....

4. Kiến nghị, đề xuất: .....

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2026 của đơn vị./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội);
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ